

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 09-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thanh Hải

Bà Nguyễn Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Sư Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với:

Bị cáo **Triệu Văn N**, sinh ngày 16/7/1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 04/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Triệu Văn T, sinh năm 1971 (đã chết) và con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1972; vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1992; con: 02 con; con cả sinh năm 2010; con út sinh năm 2016.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó là tạm giam; Hiện nay bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 24/3/2020 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà Nông Thị P, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm K, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt, không có lý do);

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện B,

tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Nông Văn T, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

- Ông Phủng Láo S, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xóm M, xã B, huyện L, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

- Ông Kê Văn S1, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm P, xã K, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

** Người làm chứng:*

- Ông Tô Trung H1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm N, xã X, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

- Ông Lãnh Văn T1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

- Ông Lục Văn Đ, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Triệu Bằng Giang - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tô Trung H1, sinh năm 1972, trú tại xóm N, xã X, huyện B, tỉnh Cao Bằng về hành vi trộm cắp tài sản. Qua khám xét phát hiện, thu giữ 0,15g (Không phải mười năm gam) heroine. Tô Trung H1 khai nhận số heroine này là do H1 mua với một người đàn ông tên là N ở xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra, xác minh xác định được người này là Triệu Văn N, sinh năm 1992, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng là đối tượng sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy, có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy tại nơi ở.

Hồi 18 giờ 20 ngày 24/3/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Triệu Văn N tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Qua khám xét, phát hiện trong túi áo mưa bên phải treo trên vách tường gỗ gian đại hội có 01 (Một) lọ thủy tinh màu trắng có nắp màu đỏ, bên trong có chứa trấu và 01 (Một) gói ni lông màu trắng được buộc bằng dây nịt màu vàng, bên trong gói ni lông màu trắng có chứa 01 (Một) gói giấy màu trắng, bên trong gói giấy màu trắng có chứa các cục chất bột màu trắng nghi là heroine. Phát hiện phía dưới sàn gỗ được đặt trong gian đại hội giáp vách buồng ngủ của Ngoan có 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên cân có chữ POCKET SCALE; 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xám đen có chữ Nokia; 01 (Một) điện thoại cảm ứng màu đen xanh có chữ Vivo.

Phát hiện trên giường ngủ, dưới chân của bà Hoàng Thị H, là mẹ đẻ của Triệu Văn N có 01 (Một) lọ thủy tinh màu trắng có nắp màu đỏ, bên trong lọ thủy tinh có chứa 02 (Hai) gói ni lông màu trắng đều được buộc bằng dây nịt màu vàng. Trong đó, 01 (Một) gói ni lông có chứa 10 (Mười) gói giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng; 01 (Một) gói ni lông có chứa 04 (Bốn) gói giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng.

Phát hiện, thu giữ trên người N những tài sản sau: 01 (Một) gói giấy ăn màu trắng được buộc bằng dây nịt màu vàng, bên trong có 01 (Một) gói ni lông màu hồng có chứa 01 (Một) gói giấy màu trắng, bên trong gói giấy màu trắng có chứa 01 (Một) cục chất bột màu trắng nghi là heroine trong túi áo khoác N đang mặc; Số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) trong túi quần bên phải của N.

Ngày 25/3/2020, Cơ quan điều tra cùng các thành phần chức năng tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng vật chứng vụ án, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Qua cân điện tử xác định toàn bộ số chất bột màu trắng phát hiện, thu giữ trên người và qua khám xét chỗ ở của Triệu Văn N có tổng khối lượng là 3,64g (Ba phẩy sáu bốn gam). Tại Bản kết luận giám định số 98/GĐMT ngày 07/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: 03 (Ba) mẫu chất bột màu trắng bên trong 03 (Ba) phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại heroine.

Tại Cơ quan điều tra Triệu Văn N khai nhận: Bản thân sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy từ năm 2019. Loại ma túy mà N sử dụng là heroine, hình thức là hít qua đường hô hấp vào cơ thể. Toàn bộ số chất bột màu trắng được Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ trên người và qua khám xét nhà ở của N đều là heroine, mục đích cất giấu để sử dụng cho bản thân và bán cho các con nghiện khác kiếm lời. Số ma túy trong lọ thủy tinh gồm 10 (Mười) gói nhỏ hơn thì bán 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) một gói; còn 04 (Bốn) gói to hơn thì bán 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) một gói; Số ma túy trong lọ thủy tinh còn lại thì chưa kịp chia.

Số ma túy có để bán và bị Cơ quan điều tra thu giữ là do N mua với một người đàn ông tên là Phùng Láo S, sinh năm 1998, trú tại xóm M, xã B, huyện L, tỉnh Cao Bằng 02 (Hai) lần mỗi lần với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Cụ thể: Lần thứ nhất vào đầu tháng 3/2020, lần thứ hai vào ngày 17/3/2020. Cả hai lần N đều gọi điện thoại trước cho S để trao đổi, thống nhất về số lượng, giá tiền, sau đó trực tiếp gặp nhau trao tay, địa điểm mua ma túy là ở khu vực gần bụi cây vầu, đường rẽ xuống nhà S, cách nhà S khoảng 100m (Một trăm mét). Sau khi mua được ma túy, N đem về nhà chia nhỏ để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. N được bán ma túy cho những người sau:

- Bán cho Tô Trung H1 01 (Một) lần 01 (Một) gói nhỏ vào buổi trưa ngày 22/3/2020 với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Địa điểm mua bán là ở đoạn đường đất cách nhà N khoảng 100m (Một trăm mét) theo

hướng xóm N, xã T đi thị trấn B. Hình thức mua bán là H1 gọi điện thoại cho N trao đổi, thống nhất số lượng, thời gian, địa điểm, số tiền sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay.

- Bán cho Lãnh Văn T1 03 (Ba) lần mỗi lần 01 (Một) gói, cụ thể: Lần thứ nhất vào tối ngày 14/3/2020 với số tiền là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), địa điểm trao đổi gần khu vực đầm trường mầm non xóm N, xã T; hình thức T1 gọi điện trước thống nhất việc mua bán về số lượng, thời gian, số tiền, địa điểm sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay. Lần thứ hai vào buổi sáng ngày 20/3/2020 với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và lần thứ ba vào tối ngày 20/3/2020 với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Hình thức, địa điểm đều như lần đầu tiên. Các lần mua bán ma túy giữa N và T1, T1 đều thanh toán bằng hình thức chuyển tiền qua hệ thống Ngân hàng Agribank.

- Bán cho Lục Văn Đ 01 (Một) lần 01 (Một) gói nhỏ vào buổi trưa ngày 20/3/2020 với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), địa điểm ngay gần nhà N, hình thức mua bán là Đ gọi điện thoại cho N trao đổi, thống nhất số lượng, thời gian, địa điểm, số tiền sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay.

Tại cơ quan điều tra bà Nông Thị P trình bày: Bà có mối quan hệ bạn bè với Kê Văn S1. Bà không biết S1 sử dụng trái phép chất ma túy, mua ma túy với ai, sử dụng như thế nào. Vào khoảng 12 giờ ngày 24/3/2020 S1 có mượn xe máy của bà, đến tối cùng ngày S1 bảo có đổi xe với bạn nào đó (bà không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu) rồi bị Công an giữ xe máy của bà. Xe của bà là xe Airblade màu đỏ đen có biển kiểm soát 97B1-38915. Xe này bà mua lại với bà Trần Thị T, sinh năm 1985, trú tại: xóm D, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng), lúc mua có làm giấy viết tay về việc mua bán nhưng hiện nay đã để mất. Hiện nay bà đã được trả lại chiếc xe máy và không có yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bà Hoàng Thị H trình bày: Bà là mẹ của bị cáo Triệu Văn N. Số tiền 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) có nguồn gốc từ việc gia đình bà bán dầu cây hồi mà có. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đen là điện thoại của bà mua ở bên Trung Quốc. Hiện nay bà đã nhận lại toàn bộ số tiền và chiếc điện thoại, tại phiên tòa bà mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho con bà và không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra ông Nông Văn T trình bày: Ông và bà Nông Thị Đ là vợ chồng. Ông có sử dụng xe máy biển kiểm soát 11L1-04661 đề càm cổ ở hiệu sửa chữa xe máy thuộc tổ dân phố 4, thị trấn B với số tiền là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Đến cuối tháng 2/2020 ông đi chuộc lại xe máy với số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này do ông mượn của Triệu Văn N. Sau khi chuộc xe máy, ông đã mang xe máy và giấy đăng ký moto xe máy mang tên Nông Thị Đ cho Triệu Văn N sử dụng vì N đưa tiền cho ông đi chuộc xe. Ông có

nói với N khi nào có tiền ông sẽ chuộc lại xe máy. Lúc giao xe và giấy đăng ký xe máy cho Triệu Văn N, ông không làm giấy tờ thỏa thuận gì chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Tại cơ quan điều tra ông Kê Văn S1 trình bày: Ông sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy từ tháng 8/2019, để có ma túy sử dụng ông thường nhờ các con nghiện thuộc khu vực thị trấn và các xã trong huyện B mua hộ. Ông được trực tiếp mua ma túy với Triệu Văn N 02 (Hai) lần, cụ thể: Lần thứ nhất vào buổi trưa cuối tháng 01/2020, số lượng là 01 (Một) gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), hình thức gọi điện thoại trước, địa điểm mua bán là ngay trong nhà của N; Lần thứ hai không nhớ ngày cụ thể, cách ngày N bị bắt khoảng 05 (Năm) ngày, hình thức và địa điểm mua bán như lần thứ nhất. Chiếc xe Honda Airblade màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 97B1-38915 là xe máy của bạn gái ông tên là Nông Thị P, sinh năm 1990, trú tại xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn do ông đổi xe máy biển kiểm soát 11L1-04661 với Triệu Văn N để sử dụng. Hiện nay xe máy đã được trả lại, ông không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra ông Tô Trung H1 trình bày: Ông được mua ma túy với N 02 (Hai) lần: Lần thứ nhất vào khoảng 18 giờ 00 ngày 19/3/2020; lần thứ hai vào ngày 20/3/2020 mỗi lần 01 (Một) gói ma túy với số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Địa điểm mua bán tại nhà N, hình thức mua bán là ông gọi điện thoại cho N trao đổi, thống nhất số lượng, thời gian, địa điểm, số tiền sau đó gặp nhau trao tay.

Tại Cơ quan điều tra ông Lãnh Văn T1 khai nhận: Ông được mua ma túy với N nhiều lần nhưng chỉ nhớ 04 (Bốn) lần gần nhất, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ, cụ thể: Lần thứ nhất vào tối ngày 16/3/2020 với số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Lần thứ hai và lần thứ ba vào ngày 20/3/2020 mỗi lần 01 (Một) gói ma túy với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); Lần thứ tư vào nửa đêm ngày 20/3/2020 rạng sáng ngày 21/3/2020, 01 (Một) gói ma túy với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Địa điểm mua bán tại gần nhà N, hình thức mua bán là ông gọi điện thoại cho N trao đổi, thống nhất số lượng, thời gian, địa điểm, số tiền sau đó gặp nhau trực tiếp đưa ma túy, còn hình thức thanh toán thì chuyển khoản qua tài khoản qua hệ thống Ngân hàng Agribank.

Tại Cơ quan điều tra ông Lục Văn Đ khai nhận: Ông được mua ma túy với N nhiều lần nhưng chỉ nhớ 03 (Ba) lần gần nhất, cụ thể: Lần thứ nhất vào buổi trưa ngày 20/3/2020; Lần thứ hai vào trưa ngày 22/3/2020, mỗi lần số lượng 01 (Một) gói ma túy với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); Lần thứ ba vào khoảng 13 giờ 30 ngày 23/3/2020 số lượng 01 (Một) gói ma túy với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Địa điểm ngay gần nhà N, hình thức mua bán là ông gọi điện thoại cho N trao đổi, thống nhất số lượng, thời gian, địa điểm, số tiền sau đó gặp nhau trao tay.

Đối với Tô Trung H1 đã bị khởi tố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đề điều tra, xử lý.

Đối với các đối tượng Lãn Văn T1 và Lục Văn Đ là các đối tượng mua ma túy với N về để sử dụng, Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền mỗi đối tượng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với Phùng Láo S là người bán ma túy cho N. Qua xác minh S không có mặt tại địa phương, không biết S đi đâu làm gì. Do vậy, cơ quan điều tra đã tách hành vi của S để tiếp tục điều tra, xử lý trong vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSBL ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Triệu Văn N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần truy tố đối với bị cáo, rút truy tố điểm c. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Văn N với khung hình phạt từ 07 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi phần để lại vật chứng thu giữ trên người Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại khám xét chỗ ở của Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, ngày 24/3/2020 thu giữ tại túi áo mua trong gian đại hội. Mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại khám xét chỗ ở của Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, ngày 24/3/2020 qua khám xét thu giữ trên giường ngủ của bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ của Ngoan). Mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên cân có chữ POCKET SCALE, cân cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên cân có chữ INTRUCTION, cân cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) ví da màu nâu có chữ baellerry cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) chiếc áo mưa màu xanh đen.

+ 02 (Hai) lọ thủy tinh có nắp màu đỏ là dụng cụ N sử dụng để đựng ma túy thu giữ qua khám xét.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xám - đen, nhãn hiệu Nokia, có số IMEIL1: 357709102258485; số IMEIL2: 357709104258483, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh - đen, mặt sau có chữ VIVO, có số IMEIL1: 862048041135639; số IMEIL2: 862048041135621, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ Truy thu số tiền 15.150.000 đồng tiền do N bán ma túy mà có. Bị cáo bị tạm giữ số tiền 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Bị cáo còn còn phải nộp 11.520.000 đồng (Mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu trắng, biển kiểm soát 11L1-046.61, số máy: 5C6J-115384, số khung RLCS5C6J0FY115383, xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 001169, mang tên Nông Thị Đ, có địa chỉ tại xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (Một) chứng minh thư nhân dân số: 085011202, cấp ngày 17/6/2016 mang tên Triệu Văn N.

+ 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng Agribank số 9704.0509.2275 mang tên Triệu Văn N.

* Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên đề nghị hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết: Bị cáo sinh ra tại vùng kinh tế khó khăn, sống ở vùng biên giới nên dễ bị cám dỗ, mặc dù biết ma túy là cái chết trắng nhưng bị cáo mắc vào và không thoát ra được. Là người sử dụng ma túy nên mua ma túy và bán lại để xoay vòng tiền mua ma túy. Bị cáo học đến lớp 4 nên trình độ nhận thức còn hạn chế, lệch lạc về hành vi. Tại phiên tòa bị cáo chưa hợp tác lắm nhưng cũng không phải là không hợp tác, bị cáo đã cố gắng hợp tác để trả lời Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có hai con nhỏ, vợ đã ly thân nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu

số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, gia đình thờ cúng Liệt sĩ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là 07 (Bảy) năm tù.

Bị cáo Triệu Văn N thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSBL ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo N theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần truy tố về điểm c đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, trong một lần phạm tội bị cáo không bán ma túy đồng thời đối với từ hai người trở lên, bị cáo chỉ bán ma túy cho từng đối tượng. Căn cứ theo Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự về hành vi "Đối với 02 người trở lên" là không có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 319, Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy việc rút truy tố là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Bị cáo Triệu Văn N thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Tại phiên tòa bị cáo chưa thành khẩn khai báo, khai báo quanh co về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo ngoan cố không thừa nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện về số lần, số tiền và thời gian bán ma túy cho các nhân chứng mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách

nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vào tháng 3/2020 bị cáo đã bán ma túy nhiều lần cho nhiều người: Bán cho Tô Trung H1 02 (Hai) lần, mỗi lần với số tiền là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bán cho Lãnh Văn T1 04 (Bốn) lần, mỗi lần 01 (Một) gói nhỏ; trong đó lần thứ nhất với số tiền là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), lần thứ hai và lần thứ ba mỗi lần với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), lần thứ tư với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Bán cho Lục Văn Đ 03 (Ba) lần mỗi lần một gói nhỏ, trong đó 02 (Hai) lần mỗi lần với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), 01 (Một) lần với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Số ma túy bị thu giữ có khối lượng 3,64g (Ba phẩy sáu tư gam). Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

"Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên"

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy.

[4] Bị cáo Triệu Văn N sinh ra và lớn lên tại xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo đi học đến lớp 4 thì bỏ học. Bị cáo có sức khỏe, có nhận thức được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức mà sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là sai là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo nên không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Gia đình bị cáo thờ cúng Liệt sĩ không thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Bà Hoàng Thị H đã nhận lại tài sản, tại phiên tòa không có ý kiến và yêu cầu gì về tài sản đã nhận lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Đối với vật chứng là:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi phần để lại vật chứng thu giữ trên người Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại khám xét chỗ ở của Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, ngày 24/3/2020 thu giữ tại túi áo mưa trong gian đại hội. Mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại khám xét chỗ ở của Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, ngày 24/3/2020 qua khám xét thu giữ trên giường ngủ của bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ của N). Mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên cân có chữ POCKET SCALE, cân cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên cân có chữ INTRUCTION, cân cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) ví da màu nâu có chữ baellerry cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) chiếc áo mưa màu xanh đen.

+ 02 (Hai) lọ thủy tinh có nắp màu đỏ là dụng cụ Ngoan sử dụng để đựng ma túy thu giữ qua khám xét.

Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành, vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là:

+ 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xám - đen, nhãn hiệu Nokia, có số IMEIL1: 357709102258485; số IMEIL2: 357709104258483, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh - đen, mặt sau có chữ VIVO, có số IMIEL1: 862048041135639; số IMEIL2: 862048041135621, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius màu trắng, biển kiểm soát 11L1-046.61, số máy: 5C6J-115384, số khung RLCS5C6J0FY115383, xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 001169, mang tên Nông Thị Đ, có địa chỉ tại xóm T, xã C, huyện B, Cao Bằng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ những vật chứng này là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

- Đối với vật chứng là:

+ 01 (Một) chứng minh thư nhân dân số: 085011202, cấp ngày 17/6/2016 mang tên Triệu Văn N.

+ 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng Agribank số 9704.0509.2275 mang tên Triệu Văn N.

Vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Truy thu số tiền số tiền 15.150.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo Ngoan bán ma túy mà có. Bị cáo bị tạm giữ số tiền 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), bị cáo còn phải nộp 11.520.000 đồng (Mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn N 07 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 24/03/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi phần để lại vật chứng thu giữ trên người Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn Ng và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại khám xét chỗ ở của Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, ngày 24/3/2020 thu giữ tại túi áo mua trong gian đại hội. Mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại khám xét chỗ ở của Triệu Văn N, SN: 1982, trú tại: Xóm N, xã T, huyện B, Cao Bằng, ngày 24/3/2020 qua khám xét thu giữ trên giường ngủ của bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ của N). Mặt sau phong bì có chữ ký của Triệu Văn N và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

+ 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên cân có chữ POCKET SCALE, cân cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) cân điện tử màu đen, trên cân có chữ INTRUCTION, cân cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) ví da màu nâu có chữ baellerry cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) chiếc áo mưa màu xanh đen.

+ 02 (Hai) lọ thủy tinh có nắp màu đỏ là dụng cụ Ngoại sử dụng để đựng ma túy thu giữ qua khám xét.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xám - đen, nhãn hiệu Nokia, có số IMEIL1: 357709102258485; số IMEIL2: 357709104258483, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh - đen, mặt sau có chữ VIVO, có số IMEIL1: 862048041135639; số IMEIL2: 862048041135621, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius màu trắng, biển kiểm soát 11L1-046.61, số máy: 5C6J-115384, số khung RLCS5C6J0FY115383, xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 001169, mang tên Nông Thị Đ, có địa chỉ tại Xóm N, xã C, huyện B, Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (Một) chứng minh thư nhân dân số: 085011202, cấp ngày 17/6/2016 mang tên Triệu Văn N.

+ 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng Agribank số 9704.0509.2275 mang tên Triệu Văn N.

- Truy thu số tiền số tiền 15.150.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo bị tạm giữ số tiền 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), bị cáo còn phải nộp 11.520.000 đồng (Mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên bà P, ông T, ông S, ông S1. Bị cáo và bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN